

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TD
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 04/2020/HNGĐ-ST
Ngày 06-7 -2020
V/v ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TD, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Hạnh
2. Ông Nguyễn Đức Nghiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Xuân Chín -Thư ký Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Xuân Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 12/2020/TLST-HNGĐ ngày 06/02/2020 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/5/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ngọc A, sinh năm 1984.

Nơi đăng ký hộ khẩu: Thôn LT, xã HT, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc; Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố ĐT, phường ĐT, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc; có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1976.

Nơi cư trú: Thôn LT, xã HT, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện; bản tự khai, phiên hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc A trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Đ đăng ký kết hôn ngày 06/11/2001 tại Ủy ban nhân dân xã HT, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Việc kết hôn là do anh chị tự nguyện, không ai bị lừa dối, hay bị cưỡng ép kết hôn.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình nhà chồng ở thôn LT, xã HT, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm, không có tiếng nói chung,

không thể chia sẻ cùng nhau trong việc làm kinh tế, nuôi dạy con cái và bất đồng trong cách cư xử sinh hoạt hàng ngày. Ngoài ra, anh Đ thường xuyên uống rượu rồi về kiếm có gây sự với chị dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng nhạt phai. Tuy sống cùng nhà nhưng thực tế chị và anh Đ đã sống ly thân khoảng 5 năm nay, không còn quan tâm đến tình cảm của nhau. Cho đến tháng 2/2020 chị dọn ra ngoài thuê nhà ở riêng cùng các con. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh Đ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh Đ có 02 người con chung là cháu Nguyễn Thị Thủy Tiên, sinh ngày 04/12/2002 và cháu Nguyễn Văn Minh Vũ, sinh ngày 01/3/2009, hiện chị đang trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tiên, còn anh Đ nuôi dưỡng cháu Vũ và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, phiên hòa giải và tại phiên tòa anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Anh đồng ý với lời trình bày của chị Ngọc A về thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn. Anh cũng xác nhận việc kết hôn là do vợ chồng anh tự nguyện, không ai bị lừa dối, hay bị cưỡng ép kết hôn.

Còn lý do chị Ngọc A yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn vì vợ chồng mâu thuẫn đã lâu anh không đồng ý. Theo anh vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ là những bất đồng quan điểm trong việc nuôi dạy con. Trước khi chị Ngọc A dọn ra ngoài ở, chị Ngọc A bán hàng cơm còn anh làm nghề kinh doanh vận tải. Do áp lực công việc nên vợ chồng thường xảy ra cãi nhau trong sinh hoạt hàng ngày nhưng chỉ là những sự việc nhỏ nhặt. Anh thừa nhận có hai lần tát chị Ngọc A nhưng việc này đã xảy ra từ lâu, anh đã xin lỗi và vợ chồng đã về đoàn tụ. Đến tháng 02/2020 chị Ngọc A đã dọn ra ngoài ở riêng, vợ chồng đã sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án anh nhiều lần đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng anh về đoàn tụ, nuôi dạy con chung vì các cháu đều đã lớn tuổi, đã nhận thức được nên việc ly hôn của bố mẹ sẽ ảnh hưởng đến việc học tập của các cháu.

Tại phiên tòa, nguyện vọng của anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ. Trường hợp chị Ngọc A vẫn cương quyết đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh xác nhận có hai người con chung như chị Ngọc A trình bày là đúng. Nếu ly hôn anh đề nghị được nuôi cháu Vũ, còn chị Ngọc A nuôi cháu Tiên và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều

đảm bảo đúng các quy định về thời hạn, thẩm quyền, tư cách pháp lý và nội dung theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng trình tự thủ tục đối với phiên tòa dân sự sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Đối với người tham gia tố tụng là nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về Đ lời giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81,82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình:

Về hôn nhân: Cho chị Ngọc A ly hôn với anh Đ.

Về con: Giao cháu Nguyễn Thị Thủy Tiên, sinh ngày 04/12/2002 cho chị Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Văn Minh Vũ, sinh ngày 01/3/2009 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung và cháu

Về tài sản, nợ chung: Chị Ngọc A, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Chị Ngọc A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền của Tòa án: Chị Trần Thị Ngọc A có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh Nguyễn Văn Đ có nơi cư trú thôn LT, xã HT, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

[2]. Về hôn nhân:

Chị Ngọc A và anh Đ có đăng ký kết hôn ngày 06/11/2001 tại Ủy ban nhân dân xã HT, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Hôn nhân của anh chị là tự nguyện, không ai bị lừa dối hay bị cưỡng ép kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa chị Ngọc A và anh Đ đều thừa nhận cuộc sống vợ chồng từ lâu đã không còn hạnh phúc, nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm, không có tiếng nói chung, không thể chia sẻ cùng nhau trong việc làm kinh tế, nuôi dạy con chung và bất đồng trong cách cư xử sinh hoạt hàng ngày. Anh chị đã sống ly thân và không thể hòa giải về đoàn tụ được. Chị Ngọc A xác định không còn tình cảm yêu thương anh Đ nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn và tại phiên tòa anh Đ cũng đồng ý ly hôn.

Xét lời trình bày của chị Ngọc A, anh Đ và biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã HT, Hội đồng xét xử thấy tình trạng hôn nhân của anh chị có mâu thuẫn, anh chị đã được Tòa án hòa giải nhưng vợ chồng không về đoàn tụ được. Như vậy, tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân

không đạt được nên có căn cứ để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ngọc A là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị Ngọc A và anh Đ có 02 người con chung là cháu Nguyễn Thị Thủy Tiên, sinh ngày 04/12/2002 và cháu Nguyễn Văn Minh Vũ, sinh ngày 01/3/2009. Khi ly hôn, nguyện vọng chị Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tiên; anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Mặc dù, nguyện vọng của các cháu đều mong muốn được ở cùng với mẹ nhưng trên cơ sở điều kiện sinh hoạt, mức thu nhập và thỏa thuận của chị Ngọc A, anh Đ nên Hội đồng xét xử chấp nhận thỏa thuận của anh chị về việc nuôi con. Chị Ngọc A, anh Đ không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản, nợ chung: Chị Ngọc A, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Ngọc A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị Ngọc A ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Thị Thủy Tiên, sinh ngày 04/12/2002 cho chị Ngọc A tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Nguyễn Văn Minh Vũ, sinh ngày 01/3/2009 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Chị Ngọc A, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Ngọc A, anh Đ có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản, nợ chung: Chị Ngọc A và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Ngọc A phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0002971 ngày 06/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Chị Ngọc A đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Ngọc A và anh Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện TD;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện TD;
- Đương sự.
- UBND xã HT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Hoài